

Bản án số: 360/2019/DS-ST

Ngày: 01-8-2019

“V/v Ly hôn H – T”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

- Với tHnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Hùng

Bà Trương Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

Ngày 01 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công Ki vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 214/2019/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 4 năm 2019 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 122/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1979; nơi cư trú: Ấp Đông An A, xã Đại THnh, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn T, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số 258, ấp Mỹ Phước, xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú, An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 3 năm 2019 và lời Ki của nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày: Bà và ông T yêu nhau được khoảng 4 năm, được cha mẹ hai bên tổ chức cưới hỏi, chung sống vợ chồng vào năm 2000 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau, bà và ông T về quê của bà tại tỉnh Hậu Giang sinh sống. Thời gian đầu hôn nhân cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2002 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không phù hợp, vợ chồng thường cãi vã. Đến năm 2014, ông T bỏ về quê ông tại xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú sinh sống và vợ chồng ly thân cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng bà yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn T.

Ông bà có 02 con chung tên Võ Nhật K, sinh ngày 22/10/2001 và Võ Thị Diễm M, sinh ngày 11/11/2003. Hiện cháu K và cháu M đang sống với bà, ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M và cháu K. Không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Võ Văn T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Võ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân:

Ông T và bà H chung sống với nhau vào năm 2000 nhưng không đăng ký kết hôn. Ông T và bà H tự nguyện chung sống như vợ chồng và có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nay cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn, bà H yêu cầu được ly hôn. Do ông T và bà H không có đăng ký kết hôn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa ông T và bà H là vợ chồng.

[2.2] Về con chung:

Ông bà có 02 (hai) con chung tên Võ Nhật K, sinh ngày 22/10/2001 và Võ Thị Diễm M, sinh ngày 11/11/2003. Cháu K hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con đối với cháu K.

Bà H có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu M hiện đang sống cùng bà H, cháu M được bà H chăm sóc nuôi dưỡng tốt. Nhằm ổn định tâm lý, môi trường sống và sinh hoạt cũng như phù hợp với nguyện vọng của cháu mong muốn được tiếp tục sống cùng mẹ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu M cho bà H được tiếp tục nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không có yêu cầu. Việc người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có phát sinh tranh chấp thì ông bà có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[2.4] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H

Không công nhận quan hệ giữa bà Lê Thị H và ông Võ Văn T là vợ chồng.

Ông T và bà H có 02 (hai) con chung tên Võ Nhật K, sinh ngày 22/10/2001 và Võ Thị Diễm M, sinh ngày 11/11/2003. Cháu K đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt ra vấn đề người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Giao cháu M cho bà H được tiếp tục nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, không có nợ chung.

Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001355 ngày 05/4/2019 của Chi cục Thi Hành án Dân sự huyện Châu Phú.

Bà H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh AG;
- VKSND H. Châu Phú;
- Chi cục THADS H. Châu Phú;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ ./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Thế Văn